

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU T
TỈNH TÂY NINH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

Bản án số: 61/2019/HS-ST

Ngày: 18-10-2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU T

T phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa Phiên tòa : Ông Nguyễn Quốc Hùng

Các Hội thẩm nhân dân :

1. Ông Mai Trần Phúc;
2. Ông Huỳnh Quang Tần.

Thư ký Phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Mến- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu T, tỉnh Tây Ninh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu T tham gia Phiên tòa: Bà Lê Thị Xuân Lai- Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu T xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 55/2019/HSST ngày 30 tháng 8 năm 2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 64/2019/QĐXXST-HS ngày 07-10-2019 đối với các bị cáo:

1. **Mai T P** (tên gọi khác: Mini), sinh năm 1995, tại Tây Ninh.

Nơi cư trú: ấp Trại B, xã Tân P, huyện Tân B, tỉnh Tây Ninh; nghề nghiệp: Làm mướn; trình độ văn hóa (học vấn): 01/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: Phật giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phan Văn T và bà Mai Thị Ánh H; vợ: Trương Thị Thu H; con: chưa có; tiền án: tại Bản án số: 63/2014/HSPT ngày 13-5-2014 của Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xử phạt bị cáo P 06 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản, bị cáo chưa được xóa án tích; tiền sự: Tại Quyết định số 71/QĐ-XPHC ngày 16-4-2019 của Công an xã Tân P, huyện Tân B, tỉnh Tây Ninh xử phạt vi phạm hành chính Mai T P số tiền 750.000 đồng về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy.

Bị cáo bị tạm giữ ngày 05-6-2019, tạm giam ngày 11-6-2019 cho đến nay.(có mặt)

2. **Phan Minh L** (tên gọi khác: Tùng Em), sinh năm 1991, tại Tây Ninh.

Nơi cư trú: ấp Trại B, xã Tân P, huyện Tân B, tỉnh Tây Ninh; nghề nghiệp: Làm mướn; trình độ văn hóa (học vấn): 10/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phan Văn M và bà Nguyễn Thị T; vợ, con: chưa có; tiền án: Tại Bản án số: 62/2009/HSST ngày 23-9-2009 của Tòa án nhân dân huyện Tân B, tỉnh Tây Ninh xử phạt bị cáo L 09 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản; Bản án số:

59/2010/HSST ngày 09-7-2010 của Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh xử phạt bị cáo L 09 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản; Tại Bản án số: 12/2011/HSST ngày 08-3-2011 của Tòa án nhân dân huyện Tân B, tỉnh Tây Ninh xử phạt bị cáo L 02 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản và Bản án số: 104/2013/HSST ngày 30-8-2013 của Tòa án nhân dân huyện Châu T, tỉnh Tây Ninh xử phạt bị cáo L 06 năm tù về tội Trộm cắp tài sản. Tiền sự: không.

Bị cáo tạm giữ ngày 05-6-2019 và tạm giam ngày 11-6-2019 cho đến nay.(có mặt)

Bị hại: Bùi Thị K, sinh năm 1977; địa chỉ: ấp Thanh Bình, xã An Bình, huyện Châu T, tỉnh Tây Ninh.(có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại Pên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do cần tiền tiêu xài nên Mai T P nảy sinh ý định tìm những người có tài sản để chiếm đoạt bán lấy tiền tiêu xài. Khoảng 06 giờ 30 phút ngày 05-6-2019, P điều khiển xe Exciter biển số 70D1-178.10 chở Phan Minh L đi trên đường hương lộ 9 hướng từ tỉnh lộ 786 về UBND xã An Bình, huyện Châu T. Khi đến khu vực ấp Thanh Bình, xã An Bình, huyện Châu T thì P phát hiện chị Bùi Thị K, sinh năm 1977; trú tại ấp Thanh Bình, xã An Bình, huyện Châu T, tỉnh Tây Ninh đang điều khiển xe mô tô biển số 70F9-1848 đang lưu thông theo hướng ngược lại, thấy trên cổ chị K có đeo dây chuyền vàng nên nảy sinh ý định chiếm đoạt. Sau đó, P rủ L giật dây chuyền của chị K bán lấy tiền chia nhau tiêu xài thì L đồng ý. P kêu L ngồi cho vững để P điều khiển xe quay lại vượt lên bên trái xe mô tô của chị K và tay trái của P điều khiển xe, tay giật dây chuyền rồi tăng ga tẩu thoát. Chị K truy hô thì được người dân và Công an xã An Bình truy đuổi theo P và L. Trong lúc bị rượt đuổi thì P chuyển dây chuyền vừa giật được cho L giữ và làm rơi nhiều viên bi màu vàng rơi xuống đường. Thấy bị nhiều người rượt đuổi nên P và L có dùng kiếm và roi điện để dọa chống trả khi bị bắt. Sau khi bị rượt đuổi khoảng 02 km thì cả hai bỏ xe chạy bộ lẫn trốn dưới ao nước thì bị bắt quả tang. Thu giữ xe mô tô 70D1-178.10, 39 viên bi tròn bằng vàng 18k, 01 mặt dây chuyền bằng vàng 18k và nhiều vật chứng có liên quan khác.

Trong quá trình điều tra, P và L đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như Cáo trạng đã truy tố.

Tại Kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự số 24/KLĐG-TTHS ngày 14 tháng 6 năm 2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Châu T, tỉnh Tây Ninh, kết luận: 01 sợi dây chuyền dạng xâu 05 chỉ 06 phân có trị giá 13.440.000 đồng; 01 mặt dây chuyền 07 phân 02 ly hình bông hoa bằng vàng 18k, có đính đá có giá trị 1.728.000 đồng. Tổng cộng là 15.168.000 đồng.

Tại bản cáo trạng số: 60/QĐ-KSĐT ngày 27 tháng 8 năm 2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu T, tỉnh Tây Ninh đã truy tố bị cáo Mai T P và Phan Minh L về tội “Cướp giật tài sản” theo khoản 2 Điều 171 Bộ luật hình sự. Tại Pên tòa, Đại diện

Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu T trong phần tranh luận đã giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo về tội danh nêu trên, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm d khoản 2 Điều 171; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 và Điều 38 của Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Mai T P từ 06 đến 07 năm tù.

Áp dụng điểm d, i khoản 2 Điều 171; điểm s khoản 1 Điều 51 và Điều 38 của Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Phan Minh L từ 06 đến 07 năm tù.

Xét thấy các bị cáo không có tài sản và thu nhập ổn định nên đề nghị Hội đồng xét xử miễn áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

Tại Pên tòa, các bị cáo đồng ý bồi thường cho bị hại số tiền 10.000.000 đồng như yêu cầu nên ghi nhận.

Đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử xử lý vật chứng theo quy định pháp luật.

Đối với xe mô tô Exciter biển số 70D1-178.10 mà các bị cáo dùng làm Pên tiện đi thực hiện hành vi phạm tội là xe của anh Phạm Thanh Hùng, sinh năm 1978; Hộ khẩu trú tại: tổ 6, khu phố 8, phường Phú Hòa, T phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương; nơi tạm trú: ấp 1, xã Minh Long, huyện Chơn T, tỉnh Bình Phước. Xe này anh Hùng bị mất trộm năm 2011 tại nhà thuộc ấp 1, xã Minh Long, huyện Chơn T, tỉnh Bình Phước. Hiện Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Châu T, tỉnh Tây Ninh đã thông tin tội phạm đến Công an huyện Chơn T, tỉnh Bình Phước để phối hợp điều tra làm rõ xử lý theo thẩm quyền.

Bị cáo P và bị cáo L tự bào chữa: các bị cáo thống nhất với bản cáo trạng và luận tội của đại diện Viện kiểm sát không có ý kiến bào chữa cho mình.

Bị cáo P và bị cáo L nói lời nói sau cùng: các bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để bị cáo sớm trở về với gia đình và có cơ hội làm một công dân tốt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh luận tại Pên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Châu T, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu T, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại Pên tòa, bị cáo, bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự.

[2] Về tội danh: Trong quá trình điều tra, cũng như tại Pên tòa, bị cáo P và L đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình theo đúng nội dung bản Cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố. **Do muốn có tiền tiêu xài, bị cáo P và L** đã rủ nhau và cùng thống nhất cùng đi tìm người có tài sản để chiếm đoạt bán lấy tiền tiêu xài, các bị cáo nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vẫn thực hiện.

Xét lời khai nhận của bị cáo P và L phù hợp với B bản bắt người phạm tội quả tang, B bản khám nghiệm hiện trường, vật chứng, kết luận định giá tài sản cùng các tài

liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận bị cáo Mai T P và Phan Minh L phạm tội “Cướp giật tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 2 Điều 171 Bộ luật hình sự.

Vụ án mang tính chất rất nghiêm trọng, hành vi phạm tội của bị cáo P và L là rất nguy hiểm cho xã hội, các bị cáo dùng thủ đoạn nguy hiểm là xe mô tô đi cướp giật tài sản của người bị hại đang điều khiển xe mô tô có thể gây nguy hiểm đến tính mạng, sức khỏe của người bị hại. Đối với bị cáo L đã tái phạm, chưa được xóa án tích mà lại thực hiện hành vi phạm tội do cố ý.

Như vậy, hành vi phạm tội của bị cáo P được quy định là tình tiết định khung hình phạt tại điểm d khoản 2 Điều 171 của Bộ luật hình sự và hành vi của bị cáo L được quy định tình tiết định khung hình phạt tại điểm d, i khoản 2 Điều 171 của Bộ luật hình sự. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy cần phải xử phạt các bị cáo một mức án tương xứng với hành vi phạm tội của từng bị cáo, cần cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để bảo đảm giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

[3] Về tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra cũng như tại Phiên tòa, xét thấy các bị cáo P và L T khẩn khai báo. Đây là các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự sẽ được Hội đồng xét xử xem xét khi áp dụng hình phạt đối các bị cáo.

Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo P đã bị kết án, chưa được xóa án tích mà lại thực hiện hành vi phạm tội do cố ý. Đây là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự. Ngoài ra, bị cáo P còn có 01 tiền sự về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy tại Quyết định số 71/QĐ-XPHC ngày 16-4-2019 của Công an xã Tân P, huyện Tân B, tỉnh Tây Ninh.

Bị cáo L không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Xét thấy bị cáo P và L không có tài sản riêng nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[4] Về biện pháp tư pháp: Căn cứ các Điều 47 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

- Về trách nhiệm dân sự: Ghi nhận Cơ quan điều tra đã trả lại cho bị hại K 01 đoạn dây chuyền bằng vàng hình bông hoa, có đính nhiều viên đá và 39 viên bằng vàng dạng tròn. Ngoài ra, trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại Phiên tòa, bị hại Bùi Thị K còn yêu cầu các bị cáo bồi thường số tiền thiệt hại tài sản là 10.000.000 đồng, các bị cáo đồng ý liên đới bồi thường cho bị hại K như yêu cầu nên ghi nhận.

- Về vật chứng:

+ 01 biển số xe mô tô 70D1-178.10; 01 còng số 8; 01 chiếc giày da màu đen bên phải; 01 bộ đoản tự chế gồm 01 ống điều loại 08mm và 01 đoản K loại có một đầu mài dẹp; 01 cái kéo bằng K loại dài 16cm; 01 cây kiếm bằng K loại dài 48cm, vỏ màu đen. Đây là công cụ dùng vào việc phạm tội không có giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy. Riêng roi điện, cơ quan điều tra không thu hồi được nên không xử lý.

+ 01 điện thoại di động hiệu Goldberg B111, số Imei: 359191085754921 và 01 điện thoại di động Nokia hiệu 1202, màu xám xanh, số Imei: 358957/01/275935/z. Đây

là tài sản cá nhân của các bị cáo không liên quan đến việc phạm tội nên trả lại cho các bị cáo.

Đối với xe mô tô Exciter biển số 70D1-178.10 (biển số thật là 61X3-1509) mà các bị cáo dùng làm Pên tiện đi thực hiện hành vi phạm tội là xe của anh Phạm Thanh Hùng, sinh năm 1978; Hộ khẩu trú tại: tổ 6, khu phố 8, phường Phú Hòa, T phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương; nơi tạm trú: ấp 1, xã Minh Long, huyện Chơn T, tỉnh Bình Phước. Xe này anh Hùng bị mất trộm năm 2011 tại nhà thuộc ấp 1, xã Minh Long, huyện Chơn T, tỉnh Bình Phước. Hiện Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Châu T, tỉnh Tây Ninh đã thông tin tội phạm đến Công an huyện Chơn T, tỉnh Bình Phước để phối hợp điều tra làm rõ xử lý theo thẩm quyền.

[5] Các Bị cáo, mỗi người phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm và 250.000 (hai trăm năm mươi nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 171; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 và Điều 38 Bộ luật hình sự.

Tuyên bố: Bị cáo **Mai T P** (Tên gọi khác: Mini) phạm tội “Cướp giật tài sản”.

Xử phạt: Bị cáo Mai T P 06 (sáu) năm tù.

Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày **05-6-2019 (ngày tạm giữ)**.

2. Căn cứ điểm d, i khoản 2 Điều 171; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự;

Tuyên bố: Bị cáo **Phan Minh L** (Tên gọi khác: Tùng Em) phạm tội “Cướp giật tài sản”.

Xử phạt: Bị cáo Phan Minh L 06 (sáu) năm tù.

Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày 05-6-2019 (ngày tạm giam).

3. **Về biện pháp tư pháp:** Căn cứ các Điều 47 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

- Về trách nhiệm dân sự: Ghi nhận bị cáo Mai T P và Phan Minh L có trách nhiệm liên đới bồi thường thiệt hại cho chị Bùi Thị K số tiền là 10.000.000 (Mười triệu) đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi suất của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Về vật chứng:

+ Tịch thu tiêu hủy: 01 biển số xe mô tô 70D1-178.10; 01 còng số 8; 01 chiếc giày da màu đen bên phải; 01 bộ đoản tự chế gồm 01 ống điều loại 08mm và 01 đoạn K loại có một đầu mài đẹp; 01 cái kéo bằng K loại dài 16cm; 01 cây kiếm bằng K loại dài 48cm, vỏ màu đen.

+ Trả lại chi bị cáo Phan Minh L 01 điện thoại di động hiệu Goldberg B111, số Imei: 359191085754921 (đã qua sử dụng).

+ Trả lại cho bị cáo Mai T P 01 điện thoại di động Nokia hiệu 1202, màu xám xanh, số Imei: 358957/01/275935/z (đã qua sử dụng).

3. Về án phí: Căn cứ Nghị quyết: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Các bị cáo, mỗi người phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm và 250.000 (hai trăm năm mươi nghìn) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Thời hạn kháng cáo đối với bản án sơ thẩm là 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PÊN TÒA**

Nơi nhận :

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND H.Châu T;
- THADS H.Châu T;
- CA huyện Châu T;
- Nhà tạm giữ Châu T;
- Thi hành án hình sự;
- Người TGTT;
- Sở TP;
- Lưu tập án; Lưu hồ sơ

(Đã ký)

Nguyễn Quốc Hùng